



jiào fǎ

叫法

noun · term; way of addressing; name

Example Sentences

Zhè zhǒng shuǐ guǒ de běn dì jiào fǎ bù yí yàng
这种水果的本地叫法不一样。

The local term for this fruit is different.

Zài běi fāng zhè zhǒng shí wù de jiào fǎ hé nán fāng wán quán bù tóng
在北方，这种食物的叫法和南方完全不同。

In the north, the name for this food is completely different from in the south.

Trace each character, then write the word on your own.

叫	叫	叫	叫	叫	叫	叫	叫				
法	法	法	法	法	法	法	法	法	法	法	法